

Số: 132 /TCBC-STP

Cà Mau, ngày 28 tháng 9 năm 2026

THÔNG CÁO BÁO CHÍ

Văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành
(Quyết định số 186/2026/QĐ-UBND ngày 15/9/2026)

Thực hiện Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012; Quyết định số 977/QĐ-TTg ngày 11/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân”. Sở Tư pháp ra Thông cáo báo chí về văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành như sau:

1. Văn bản quy phạm pháp luật được ban hành: Quyết định số 186/2026/QĐ-UBND ngày 15/9/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành Quy định hình thức, định mức hỗ trợ, quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước các dự án giao cho cộng đồng tự thực hiện thuộc chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

2. Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25/9/2026. Quyết định số 38/2022/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau quy định việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư công giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Cà Mau và Quyết định số 35/2024/QĐ-UBND ngày 08/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định kèm theo Quyết định số 38/2022/QĐ-UBND hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định số 186/2026/QĐ-UBND có hiệu lực thi hành.

Đối với các dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đã ký hợp đồng hoặc đã được giao nhiệm vụ trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo quyết định phê duyệt, hợp đồng, văn bản giao nhiệm vụ đã ký và quy định pháp luật tại thời điểm thực hiện. Đối với phần công việc phát sinh, nội dung điều chỉnh hoặc hồ sơ thanh toán, quyết toán lập sau ngày Quyết định này có hiệu lực thì thực hiện theo Quyết định này và pháp luật hiện hành; bảo đảm không thay đổi quyền, nghĩa vụ đã được xác lập hợp pháp của cộng đồng dân cư và các bên liên quan.

3. Sự cần thiết, mục đích ban hành:

a) *Sự cần thiết:* Thực hiện **Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15** và các quy định về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công và quyết toán vốn đầu tư dự án, đồng thời thay thế các quy định của tỉnh áp dụng cho giai đoạn

2021 - 2025, việc ban hành quy định mới để tổ chức thực hiện thống nhất trên địa bàn tỉnh Cà Mau là cần thiết.

b) Mục đích: Quy định cụ thể hình thức, định mức hỗ trợ và việc quản lý, tạm ứng, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước đối với dự án có tính chất kỹ thuật đơn giản, tổng mức đầu tư dưới 500 triệu đồng được Ủy ban nhân dân cấp xã lựa chọn cơ chế giao cho cộng đồng dân cư tự thực hiện thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh; bảo đảm việc quản lý, sử dụng vốn đúng mục tiêu, đối tượng, tiết kiệm, hiệu quả, công khai và minh bạch.

4. Nội dung chủ yếu: Quy định này quy định hình thức hỗ trợ, định mức hỗ trợ; việc quản lý, tạm ứng, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước dự án có tính chất kỹ thuật đơn giản và tổng mức đầu tư dưới 500 triệu đồng được Ủy ban nhân dân cấp xã lựa chọn cơ chế giao cho cộng đồng dân cư (thông qua Ban phát triển thôn) tự thực hiện thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

4.1. Đối tượng áp dụng: Các sở, ban, ngành tỉnh được giao quản lý, theo dõi chương trình mục tiêu quốc gia; Ủy ban nhân dân cấp xã; phòng chuyên môn được giao thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia; Ban quản lý dự án cấp xã hoặc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng cấp xã; Ban phát triển khóm, ấp hoặc tổ chức tương đương; các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng, tạm ứng, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện.

4.2. Nguyên tắc thực hiện

a) Dự án được áp dụng cơ chế giao cho cộng đồng dân cư tự thực hiện phải đồng thời đáp ứng các điều kiện về mục tiêu, đối tượng, phạm vi chương trình mục tiêu quốc gia; tính chất kỹ thuật đơn giản; tổng mức đầu tư dưới 500 triệu đồng; năng lực tự thực hiện của cộng đồng dân cư và các điều kiện khác theo Nghị định số 358/2025/NĐ-CP, pháp luật về xây dựng, đấu thầu và quy định của cấp có thẩm quyền.

b) Tổng mức đầu tư của dự án là toàn bộ chi phí thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bao gồm phần vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ, phần đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư bằng tiền, hiện vật, vật liệu, ngày công lao động được quy đổi thành tiền và các nguồn vốn hợp pháp khác.

c) Cơ cấu nguồn vốn và tỷ lệ hỗ trợ từ ngân sách nhà nước phải được xác định trong hồ sơ dự án, quyết định phê duyệt dự án và kế hoạch vốn được giao. Trường hợp dự án có nhiều nguồn vốn ngân sách nhà nước cùng tham gia thì tổng mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước là tổng hợp các nguồn vốn ngân sách nhà nước được bố trí cho dự án.

d) Việc hỗ trợ, quản lý, tạm ứng, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện phải đúng mục tiêu, đúng đối tượng, đúng nội dung, hình thức, định mức hỗ trợ, cơ cấu nguồn vốn, kế hoạch vốn được cấp có thẩm quyền giao; bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch, phòng ngừa thất thoát, lãng phí và không phát sinh nợ đọng xây dựng cơ

bản.

đ) Không yêu cầu cộng đồng dân cư, Ban phát triển khóm, ấp hoặc người dân cung cấp thêm thành phần hồ sơ gửi cơ quan thanh toán ngoài hồ sơ theo quy định của Nghị định số 358/2025/NĐ-CP, Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công và văn bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền. Các tài liệu phục vụ quản lý nội bộ, công khai, giám sát cộng đồng phải được chủ đầu tư lưu giữ đầy đủ để phục vụ thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và quyết toán.

g) Các khoản đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư bằng tiền, hiện vật hoặc ngày công lao động phải được cộng đồng dân cư thống nhất, công khai, quy đổi thành tiền để theo dõi trong giá trị công trình; không hạch toán vào thu, chi ngân sách nhà nước, trừ trường hợp pháp luật về ngân sách nhà nước có quy định khác.

4.3. Hình thức hỗ trợ

Trên cơ sở mức vốn đầu tư công hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tùy theo điều kiện thực tế và khả năng huy động nguồn lực cụ thể của địa phương để triển khai thực hiện dự án trên địa bàn, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định hình thức hỗ trợ cho phù hợp, đảm bảo sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả và tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình, theo các hình thức như sau:

a) Hỗ trợ bằng tiền: Vốn ngân sách nhà nước thanh toán qua cơ quan thanh toán cho chủ đầu tư để chi trả cho Ban phát triển khóm, ấp hoặc tổ chức tương đương theo hợp đồng, văn bản giao nhiệm vụ, hồ sơ thanh toán hợp lệ.

b) Hỗ trợ bằng hiện vật: Ngân sách nhà nước thực hiện mua sắm, cấp phát vật tư, vật liệu, cấu kiện, sản phẩm, thiết bị hoặc hiện vật cần thiết khác để Ban phát triển khóm, ấp hoặc tổ chức tương đương tổ chức thi công theo hồ sơ dự án được phê duyệt; giá trị hiện vật được quy đổi thành tiền để theo dõi, thanh toán, quyết toán và tổng hợp vào chi phí đầu tư xây dựng công trình.

c) Hỗ trợ kết hợp bằng tiền và hiện vật: Căn cứ điều kiện thực hiện dự án, khả năng cung ứng vật tư, vật liệu tại địa phương, năng lực quản lý của cộng đồng dân cư và yêu cầu kiểm soát chi ngân sách nhà nước, chủ đầu tư đề xuất hình thức hỗ trợ kết hợp trong hồ sơ dự án, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Hình thức hỗ trợ cụ thể của từng dự án phải được xác định trong quyết định phê duyệt đầu tư dự án, phù hợp với nội dung hỗ trợ của chương trình mục tiêu quốc gia, cơ cấu nguồn vốn, kế hoạch vốn được giao và khả năng tổ chức thực hiện của cộng đồng dân cư.

4.4. Định mức hỗ trợ

a) Đối với các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo; xã Khu vực III thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 – 2030: Ngân sách nhà nước (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) hỗ trợ tối đa 90% tổng mức đầu tư được duyệt/một dự án.

b) Đối với các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn các xã còn lại: Ngân sách

nhà nước (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) hỗ trợ tối đa 80% tổng mức đầu tư được duyệt/một dự án.

c) Trường hợp một dự án thuộc nhiều mức hỗ trợ khác nhau thì áp dụng mức hỗ trợ cao nhất phù hợp với địa bàn, đối tượng, nội dung hỗ trợ của chương trình mục tiêu quốc gia và khả năng cân đối nguồn vốn được cấp có thẩm quyền giao.

4.5. Lập kế hoạch, phân bổ, nhập kế hoạch vốn đầu tư

a) Lập kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia có sự tham gia của cộng đồng thực hiện xây dựng công trình theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP.

b) Kho bạc nhà nước có trách nhiệm nhập kế hoạch vốn đầu tư (trong trường hợp xã chưa tổ chức nhập) trên hệ thống thông tin quản lý ngân sách và Kho bạc nhà nước (TABMIS) theo hướng dẫn tại Thông tư số 132/2025/TT-BTC ngày 24/12/2025 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn tổ chức vận hành, khai thác hệ thống thông tin quản lý ngân sách và Kho bạc nhà nước (TABMIS).

4.6. Hồ sơ kiểm soát, thanh toán

a) Sau khi có văn bản phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình theo quy định, Chủ đầu tư làm thủ tục mở Mã số dự án theo quy định của Bộ Tài chính tại Thông tư số 185/2015/TT-BTC ngày 17/11/2015 hướng dẫn đăng ký, cấp và sử dụng mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách và mở tài khoản giao dịch tại Kho bạc Nhà nước (phòng giao dịch tại các xã, phường) theo quy định của Bộ Tài chính tại Thông tư số 157/2025/TT-BTC ngày 31/12/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn đăng ký và sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước.

b) Hồ sơ thực hiện và thanh toán của dự án đầu tư thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị định số 254/2025/NĐ-CP.

c) Tạm ứng vốn theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 254/2025/NĐ-CP.

d) Thanh toán khối lượng hoàn thành thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 254/2025/NĐ-CP.

4.7. Quyết toán dự án hoàn thành

a) Dự án sau khi hoàn thành, nghiệm thu, bàn giao đưa vào khai thác, sử dụng phải lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành, thẩm tra và phê duyệt quyết toán theo quy định của Nghị định số 358/2025/NĐ-CP, Nghị định số 193/2026/NĐ-CP ngày 01/6/2026 của Chính phủ quy định về quyết toán vốn đầu tư dự án, Thông tư số 73/2026/TT-BTC ngày 25/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán vốn đầu tư dự án và pháp luật có liên quan.

b) Lập báo cáo quyết toán, thẩm tra, phê duyệt quyết toán

- Hồ sơ trình thẩm tra phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 193/2026/NĐ-CP.

- Thẩm quyền phê duyệt vốn đầu tư dự án hoàn thành thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 193/2026/NĐ-CP.

- Cơ quan chủ trì thẩm tra phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 193/2026/NĐ-CP.

- Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 193/2026/NĐ-CP.

- Quản lý, sử dụng chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định số 193/2026/NĐ-CP.

- Thời gian lập báo cáo quyết toán, thẩm tra phê duyệt quyết toán theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 193/2026/NĐ-CP.

c) Sau khi quyết toán được phê duyệt, chủ đầu tư có trách nhiệm xử lý công nợ, tất toán tài khoản dự án, bàn giao hồ sơ hoàn thành, hồ sơ quản lý tài sản, hồ sơ bảo trì và lưu trữ hồ sơ của dự án theo quy định.

d) Trường hợp phát hiện thanh toán sai đối tượng, sai nội dung, sai hình thức hỗ trợ, sai định mức hỗ trợ, vượt giá trị nghiệm thu, vượt kế hoạch vốn hoặc không đủ hồ sơ chứng minh, chủ đầu tư có trách nhiệm thu hồi, nộp trả ngân sách nhà nước hoặc xử lý theo quyết định của cấp có thẩm quyền; tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

4.8. Quyết toán theo niên độ

Kết thúc năm ngân sách, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện quyết toán vốn đầu tư theo niên độ theo quy định tại Nghị định số 254/2025/NĐ-CP và Thông tư số 91/2025/TT-BTC. Trình tự, thời hạn lập, gửi, xét duyệt, thẩm định và ra thông báo thẩm định quyết toán theo năm ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 và Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn khác có liên quan.

Trên đây là Thông cáo báo chí văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành, Sở Tư pháp xin thông báo (gửi kèm Quyết định số 186/2026/QĐ-UBND)/.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- UBNDTTQ Việt Nam tỉnh;
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- Báo và Phát thanh - Truyền hình tỉnh Cà Mau;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (để đăng tải);
- Trang Thông tin PBGDPL tỉnh (để đăng tải);
- Trang Thông tin điện tử Sở Tư pháp (để đăng tải);
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, PBGDPL.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Thị Ngọc